

**DỰ TOÁN THU, SỐ BỔ SUNG VÀ DỰ TOÁN CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH TỪNG XÃ, THỊ TRẤN NĂM 2022**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày 12/01/2022 của Ủy ban nhân dân huyện)

ĐVT: 1.000 đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng thu NSNN trên địa bàn	Thu ngân sách xã được hưởng theo phân cấp		Số bổ sung cân đối, bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp huyện	Số bổ sung thực hiện điều chỉnh tiền lương	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	Tổng chi cân đối ngân sách xã	
			Tổng số	Chia ra					
				Thu ngân sách xã hưởng 100%					Thu ngân sách xã hưởng từ các khoản thu phân chia
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
	<b>TỔNG SỐ</b>	<b>15.053.000</b>	<b>6.853.000</b>	<b>1.703.000</b>	<b>5.150.000</b>	<b>64.938.263</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>71.791.263</b>
1	Thị trấn Phú Hoà	5.765.000	1.663.000	215.000	1.448.000	3.342.593	-		5.005.593
2	Xã Hà Tây	129.000	100.200	47.000	53.200	5.224.914	-		5.325.114
3	Xã IaKhuol	1.132.000	632.000	147.000	485.000	4.833.586	-		5.465.586
4	Xã IaPhí	120.000	90.800	39.500	51.300	5.156.781	-		5.247.581
5	Xã IaMơNông	397.000	271.800	109.000	162.800	4.300.252	-		4.572.052
6	Xã IaKreng	10.000	10.000	10.000	-	4.411.107	-		4.421.107
7	Xã ĐăkTơVer	64.500	49.700	25.000	24.700	4.777.913	-		4.827.613
8	Xã Hòa Phú	1.164.000	650.000	144.000	506.000	4.050.454	-		4.700.454
9	Xã ChưĐangYa	358.500	244.500	53.500	191.000	4.814.460	-		5.058.960
10	Xã IaKa	413.000	305.000	118.000	187.000	4.790.586	-		5.095.586
11	Xã Nghĩa Hòa	1.161.000	475.000	161.000	314.000	4.329.207	-		4.804.207
12	Xã Nghĩa Hưng	2.115.000	1.081.000	215.000	866.000	4.834.768	-		5.915.768
13	Thị trấn IaLy	1.272.000	768.000	207.000	561.000	4.951.438	-		5.719.438
14	Xã IaNhin	952.000	512.000	212.000	300.000	5.120.204	-		5.632.204